TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2018.
V/v: *Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lưu Thị Ngọc Huỳnh.
2. Ông Lê Văn Phương.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Thành Thuận - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274 /2016/TLST- HNGĐ ngày 04-10-2016, về: " *Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Bảo G, sinh năm 1992.
- *Bị đơn:* Phan Văn D, sinh năm 1988.

Các đương sự cùng cư trú ấp PL, xã PA, huyện PT, tỉnh Ang Giang.
Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn (bút lục số 36) và bảng tự khai (bút lục số 77A) thì chị Nguyễn Thị bảo G trình bày:

- Chị với anh D thành vợ chồng vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang (theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 19-5-2011). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, anh D hay rượu, chè và đánh đập chị, có nhiều lần xa nhau thời gian ngắn rồi chung sống lại nhưng vẫn không hạnh phúc và chính thức ly thân từ năm 2015 đến nay.

- Con chung có 01 cháu tên Phan Văn Đ, sinh ngày 14-10-2011, đang sống với anh D.

- Về tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có .

Theo bảng tự khai (bút lục 77) thì anh Phan Văn D trình bày:

- Anh với chị G thành vợ, chồng vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, cha, mẹ đôi bên đồng ý, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang (theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 19-5-2011). Chung sống đến năm 2015 thì ly thân đến nay, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cải, có nhiều lần xa nhau thời gian ngắn rồi chung sống lại nhưng vẫn không hạnh phúc.

- Con chung có 01 cháu tên Phan Văn Đ, sinh ngày 14-10-2011, đang sống với anh.

- Về tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có .

Chị Giàu yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Anh D được tiếp tục nuôi con, chị không khả năng cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dàng yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị G.

- Về con chung: Được tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh D đã được trệu tập để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (theo bút lục các số: 52, 54, 55b, 55c).

{1.2} Chị G và anh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục các số: 76, 88), vì vậy (HĐXX) căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị G và anh D.

{ 2} Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa chị G với anh D có đăng ký kết hôn vào năm 2011 (bút lục số 34), đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẩn xãy ra.

- Về nguyên nhân ly thân: Chị G cho rằng vợ, chồng thường xuyên cự cải, anh D hay rượu, chè và đánh đập chị, có nhiều lần xa nhau thời gian ngắn rồi chung sống lại nhưng vẫn không hạnh phúc và chính thức ly thân từ năm 2015 đến nay. Anh D cho rằng nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cải,

có nhiều lần xa nhau thời gian ngắn rồi chung sống lại nhưng vẫn không hạnh phúc, hiện nay anh, chị đều thống nhất ly hôn. HĐXX xét thấy, nếu hòa giải được thì đã lập biên bản và ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn, nhưng do anh D vắng mặt và anh yêu cầu đồng ý ly hôn, điều đó cho thấy hạnh phúc của gia đình anh, chị thật sự không còn, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G. Theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân- gia đình năm 2014.

{2.2} Về quan hệ con chung: Chị G và anh D thống nhất có 01 con tên Phan Văn Đ, sinh ngày 14-10-2011, đang sống với anh D. Nay anh, chị thống nhất là anh D được tiếp tục nuôi con, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con (Bút lục các số 77 và 77A), vì vậy HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân- gia đình năm 2014.

{2.3} Về quan hệ tài sản; quan hệ nợ phải thu: Chị G và anh D thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết (bút lục 77 và 77A), vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.4}Về nợ phải trả: Chị G và anh D thống nhất khai không có (bút lục 77 và 77A), vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.5} Về án phí DSST : Vụ án được thụ lý trước ngày 01-01-2017, theo quy định tại khoản 1, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Giàu phải chịu án phí theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009.

{3} - Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng anh D được triệu tập hợp lệ 02 lần để tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa thật sự nghiêm. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 2, Điều 81; các khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình;

- Khoản 1, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009;

Tuyên xử:

- Chị Nguyễn Thị Bảo G được ly hôn với anh Phan Văn D. Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2008, ngày 19-5-2011 của Ủy ban nhân dân xã PA không còn giá trị pháp lý.

- Anh Phan Văn D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đứa con tên Phan Văn Đ, sinh ngày 14-10-2011, nhưng anh D không được ngăn cảng mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi chị G đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị G phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0001923 ngày 04-10-2016 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Chị G không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị G và anh D có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng